

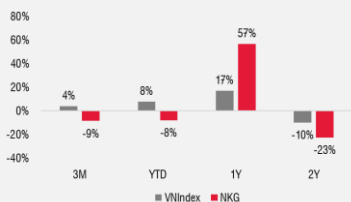
## Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (NKG: HOSE)

**Ngày báo cáo:** 03/05/2024  
**NGÀNH:** THÉP  
**PGĐ PTC:** Đào Minh Châu, CFA  
**Email:** [chaudm@ssi.com.vn](mailto:chaudm@ssi.com.vn)  
**SĐT:** +84-28 3636 3688 ext. 3052

**Khuyến nghị:** **TRUNG LẬP**  
**Giá mục tiêu 1Y:** **23.000 Đồng**  
**Giá CP 02/05/2024:** 22.700 Đồng  
**% Tăng giá:** **+1,3%**

**Giá trị vốn hoá (triệu USD):** 236  
**Giá trị vốn hoá (tỷ VND):** 5.976  
**Số cổ phiếu lưu hành (triệu):** 263  
**KLGD trung bình 3 tháng (cp):** 9.150.866  
**Giá cao/thấp nhất 52T (1000 Đ):** 26,2/14,4  
**GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng):** 224,3  
**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%):** 13,4  
**Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):** 0

### Biên động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

### Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Thép Nam Kim (NKG: HOSE) là công ty thép có lĩnh vực kinh doanh tương tự như các công ty nổi tiếng trên thị trường chứng khoán, CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG: HOSE). Công ty sản xuất các sản phẩm tương tự (tấm thép mạ kẽm, thép mạ kẽm nóng, ống thép), sử dụng các vật liệu tương tự (thép cuộn cán nóng), và dây chuyền sản xuất giống hệt nhau. Trong năm 2016, NKG nắm giữ 14,8% thị phần thép tấm, xếp ở vị trí thứ 2 sau HSG với 32,3% thị phần. Công ty cũng thuộc top 10 công ty sản xuất thép ống với 5,1% thị phần.

## Kế hoạch mở rộng tham vọng trong năm 2024-2025

**Kế hoạch kinh doanh năm 2024:** ĐHCĐ thông qua kế hoạch doanh thu và LNTT lần lượt là 21 nghìn tỷ đồng (tăng 13% svck) và 420 tỷ đồng (tăng 137% svck), dựa trên sản lượng tiêu thụ đạt 1 triệu tấn (tăng 16% svck) và giá HRC khoảng 550-600 USD/tấn. Kế hoạch LNTT tương đương 88% dự báo LNTT của chúng tôi cho năm 2024.

**Lợi nhuận Q1/2024 phục hồi đáng kể nhờ lượng xuất khẩu tăng mạnh và giá thép tăng:** Lợi nhuận ròng Q1/2024 đạt 150 tỷ đồng, tăng đáng kể so với mức lợi nhuận ròng 22,5 tỷ đồng của Q4/2023 và khoản lỗ 49 tỷ đồng trong Q1/2023, nhờ sản lượng tăng trưởng mạnh 31% svck và giá bán thép trung bình tăng 5% so với quý trước.

**Kế hoạch mở rộng công suất lớn:** NKG dự kiến bắt đầu đầu tư Giai đoạn 1 của Nhà máy Phú Mỹ tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong Q2/2024 với công suất dự kiến là 800 nghìn tấn/năm, giúp tăng công suất của NKG lên gần 70% từ mức hiện tại. Vốn đầu tư 4,5 nghìn tỷ đồng cho dự án sẽ được tài trợ 30% từ vốn chủ sở hữu và 70% từ vốn vay ngân hàng. Ban lãnh đạo kỳ vọng dự án sẽ được hoàn thành trong Q4/2025 hoặc Q1/2026 và đạt công suất tối đa vào năm 2027.

Để tài trợ cho khoản đầu tư vào Nhà máy Phú Mỹ, NKG dự kiến tiến hành phát hành tối đa 131,64 triệu cổ phiếu (tương đương 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá 12.000 đồng/cổ phiếu trong năm 2024 hoặc 2025, tương đương số tiền thu được tối đa 1,58 nghìn tỷ đồng.

### Ước tính lợi nhuận và luận điểm đầu tư

Vì lợi nhuận ròng trong Q1/2024 phù hợp với ước tính của chúng tôi nên chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận ròng năm 2024 là 407 tỷ đồng (tăng 250% svck). Chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiêu thụ năm 2024 sẽ tăng 13,7% svck đạt 982 nghìn tấn nhờ xuất khẩu tăng 18% svck, trong khi sản lượng tiêu thụ nội địa có mức tăng trưởng thấp hơn 7% svck do tốc độ hoạt động xây dựng dân dụng và dự án đều chậm lại. Ban lãnh đạo kỳ vọng sản lượng trong quý 2 có thể tăng khoảng 10% so với quý trước, tương đương khoảng 280 nghìn tấn.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu NKG, nhưng hạ giá mục tiêu 1 năm xuống **23.000 đồng/cổ phiếu** (từ 24.500 đồng) do chúng tôi điều chỉnh giảm hệ số mục tiêu trong bối cảnh mặt bằng lãi suất có thể tăng lên trong nửa cuối năm 2024.

**Kế hoạch kinh doanh năm 2024:** ĐHCĐ thông qua kế hoạch doanh thu và LNTT lần lượt là 21 nghìn tỷ đồng (tăng 13% svck) và 420 tỷ đồng (tăng 137% svck), dựa trên sản lượng tiêu thụ dự kiến đạt 1 triệu tấn (tăng 16% svck) và giá HRC khoảng 550-600 USD/tấn (giá hiện tại quanh mức 550 USD/tấn).

**Lợi nhuận Q1/2024 phục hồi đáng kể nhờ lượng xuất khẩu tăng mạnh và giá thép tăng:** Trong Q1/2024, NKG ghi nhận doanh thu tăng 20,9% svck đạt 5,29 nghìn tỷ đồng. Lợi nhuận ròng đạt 150 tỷ đồng, tăng đáng kể so với mức lợi nhuận ròng 22,5 tỷ đồng của Q4/2023 và so với khoản lỗ 49 tỷ đồng trong Q1/2023.

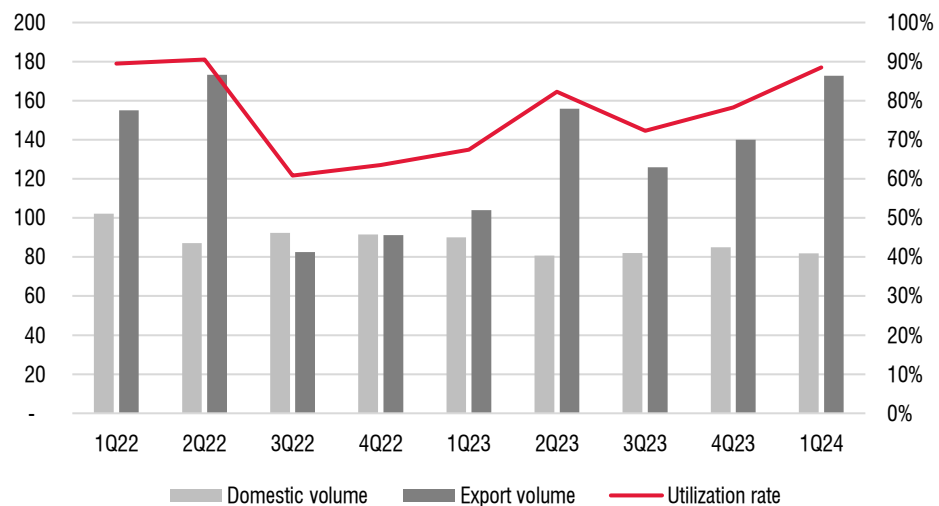
Tỷ đồng	1Q24	1Q23	YoY	4Q23	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							1Q24	1Q23	4Q23	2023
Doanh thu thuần	5.291	4.375	20,9%	4.459	18,7%	25%				
Lợi nhuận gộp	567	138	311,9%	273	107,6%		10,7%	3,1%	6,1%	6,0%
Lợi nhuận hoạt động	236	44	439,7%	-141	-267,5%		4,5%	1,0%	-3,2%	1,3%
EBIT	236	44	440,1%	90	163,0%		4,5%	1,0%	2,0%	2,5%
EBITDA	331	138	140,2%	185	78,9%		6,3%	3,1%	4,1%	4,5%
Lợi nhuận trước thuế	188	-49	-479,5%	30	519,1%	45%	3,5%	-1,1%	0,7%	1,0%
Lợi nhuận ròng	150	-49	-404,7%	22	568,7%		2,8%	-1,1%	0,5%	0,6%
Lợi nhuận ròng thuộc về cổ đông công ty mẹ	150	-49	-404,7%	22	568,7%		2,8%	-1,1%	0,5%	0,6%

Nguồn: NKG, SSI Research

Sản lượng tiêu thụ thép của NKG trong Q1/2024 chứng kiến mức phục hồi đáng kể 31,2% svck, đạt 255 nghìn tấn – đây là mức cao nhất kể từ Q2/2022. Mặc dù sản lượng tiêu thụ trong nước vẫn giảm 9,1% svck đạt 82 nghìn tấn, nhưng tổng tăng trưởng sản lượng tiêu thụ của NKG được thúc đẩy bởi kênh xuất khẩu tăng 66,1% đạt 173 nghìn tấn. Kết quả này khá phù hợp với thị trường chung, với sản lượng xuất khẩu thép dẹt thành phẩm toàn ngành tăng 68% svck trong Q1/2024, trái ngược với mức giảm 8% svck đối với tiêu dùng nội địa.

Theo đó, công suất hoạt động của công ty đã tăng lên khoảng 90% trong quý.

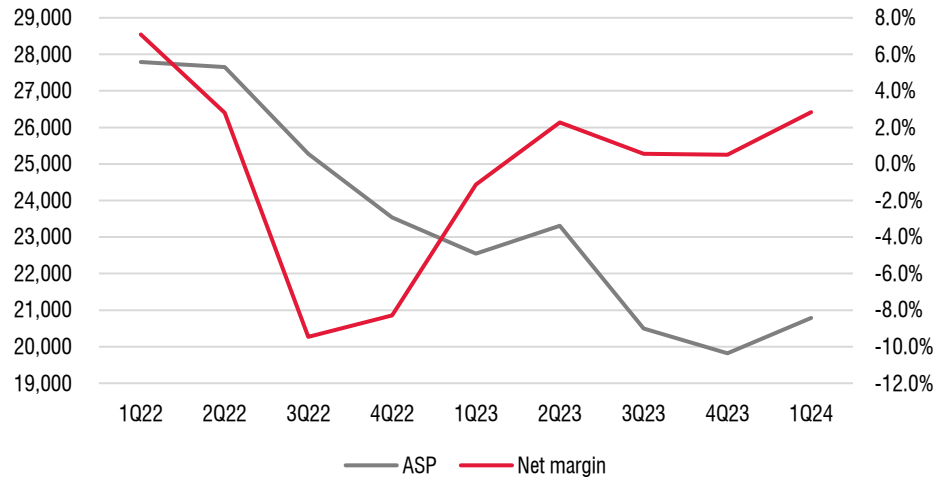
#### Sản lượng tiêu thụ theo quý (nghìn tấn)



Nguồn: NKG, SSI Research

**Biên lợi nhuận ròng đã tăng đáng kể lên 2,8%, đây là mức cao nhất kể từ Q3/2022 do giá bán trung bình tăng 4,9% so với quý trước.** Chênh lệch giá thép nở rộng giữa các thị trường phát triển và Việt Nam trong khoảng thời gian cuối năm 2023 đến đầu năm 2024 đã giúp công ty cải thiện đáng kể lợi nhuận khi khoảng 70% sản lượng xuất khẩu của công ty hướng đến thị trường Châu Âu và Bắc Mỹ.

#### Biên lợi nhuận ròng và giá bán bình quân theo quý của NKG (đồng/kg)



*Nguồn: NKG, SSI Research*

**Kế hoạch mở rộng công suất lớn:** NKG dự kiến bắt đầu đầu tư Giai đoạn 1 của Nhà máy Phú Mỹ tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu trong Q2/2024 với công suất dự kiến là 800 nghìn tấn/năm, bao gồm dây chuyền mạ kẽm với sản lượng 350 nghìn tấn/năm, dây chuyền mạ hợp kim nhôm kẽm với sản lượng 450 nghìn tấn/năm, cùng với dây chuyền mạ màu với sản lượng 150 nghìn tấn/năm. Dự án dự kiến sẽ nâng tổng công suất của NKG lên gần 70%. Tổng vốn đầu tư 4,5 nghìn tỷ đồng sẽ được tài trợ 30% từ vốn chủ sở hữu và 70% từ vốn vay ngân hàng. NKG đã giải ngân hơn 500 tỷ đồng cho dự án tính đến hiện tại.

Ban lãnh đạo kỳ vọng dự án sẽ hoàn thành trong Q4/2025 hoặc Q1/2026 và đạt công suất tối đa trong năm 2027. Dự án mới sẽ tạo ra các sản phẩm chất lượng cao hơn cho các ngành công nghiệp hỗ trợ, cơ khí, thiết bị gia dụng và phụ kiện ô tô, vốn chịu ít áp lực cạnh tranh hơn tại thị trường Việt Nam. Ngoài ra, khoảng 60-70% sản lượng từ nhà máy mới có thể xuất khẩu.

Dự án mới có thể sẽ được miễn thuế trong hai năm đầu tiên và giảm 50% thuế trong bốn năm tiếp theo.

**Phương án phát hành cổ phiếu:** Để tài trợ cho khoản đầu tư vào Nhà máy Phú Mỹ, NKG dự kiến tiến hành phát hành lên tới 131,64 triệu cổ phiếu (tương đương 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá 12.000 đồng/cổ phiếu trong năm 2024 hoặc 2025, số tiền thu được lên tới 1,58 nghìn tỷ đồng.

Công ty dự kiến phát hành 52,66 triệu cổ phiếu thưởng (tương đương 20% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) và 2,5 triệu cổ phiếu ESOP (tương đương 0,95% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) với giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Tác động từ thuế chống bán phá giá đối với HRC nhập khẩu có thể ở mức hạn chế:** Theo ban lãnh đạo, lượng HRC nhập từ Trung Quốc và Ấn Độ chiếm tỷ trọng vừa phải từ 20-25% tổng lượng HRC đầu vào của NKG. Trong

trường hợp Chính phủ quyết định áp thuế chống bán phá giá đối với HRC nhập khẩu, NKG có thể chuyển sang nguồn khác như Việt Nam, Đài Loan, Nhật Bản. Tuy nhiên, giá từ các thị trường này có thể cao hơn giá Trung Quốc.

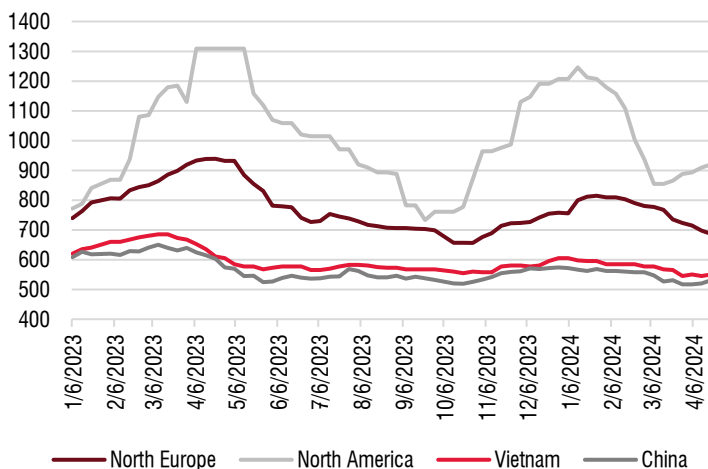
### Ước tính lợi nhuận

Vì lợi nhuận ròng trong Q1/2024 phù hợp với ước tính của chúng tôi nên chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận ròng năm 2024 là 407 tỷ đồng (tăng 250% svck). Chúng tôi kỳ vọng sản lượng tiêu thụ năm 2024 sẽ tăng 13,7% svck đạt 982 nghìn tấn nhờ xuất khẩu tăng 18% svck, trong khi sản lượng tiêu thụ nội địa có mức tăng trưởng thấp hơn 7% svck do tốc độ hoạt động xây dựng dân dụng và dự án vẫn còn tương đối chậm. Ban lãnh đạo kỳ vọng sản lượng trong quý 2 có thể tăng khoảng 10% so với quý trước đạt 280 nghìn tấn.

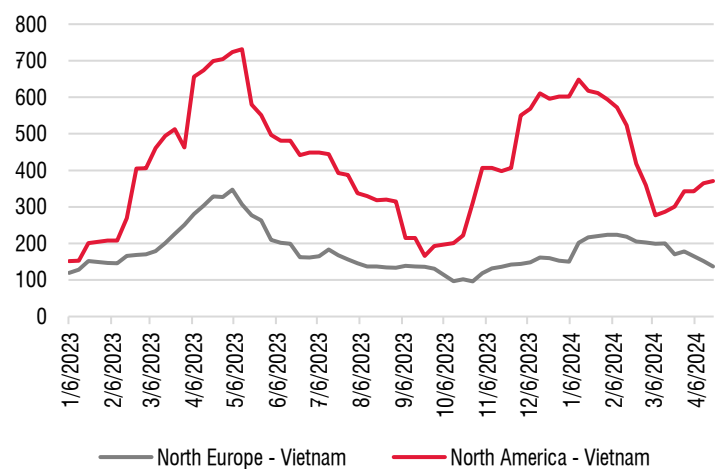
Chúng tôi kỳ vọng biên lợi nhuận trong vài quý tới sẽ giảm từ mức cao trong quý 1 do giá xuất khẩu giảm, do giá thép trung bình tại một số thị trường xuất khẩu đã giảm khoảng 15-25% so với mức đỉnh trong tháng 1.

Cho năm 2025, chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận ròng của công ty có thể tăng 9,9% đạt 447 tỷ đồng nhờ sản lượng tiêu thụ tăng 7%.

Giá HRC (USD/tấn)



Chênh lệch giá bán giữa thị trường phát triển và Việt Nam

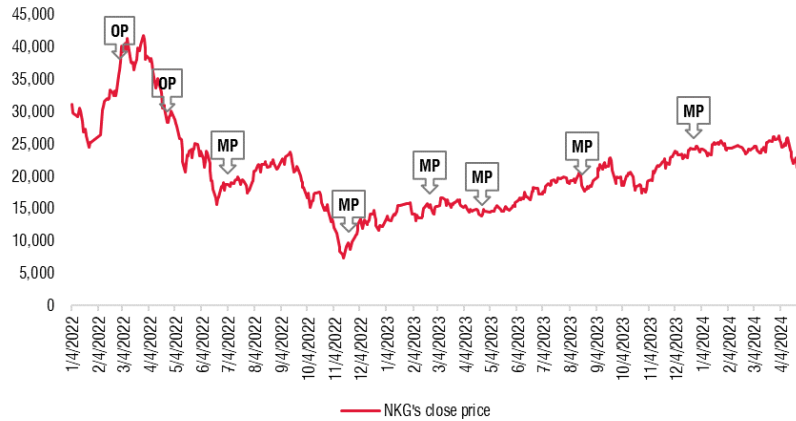


Nguồn: Bloomberg

## Luận điểm đầu tư

Chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP** đối với cổ phiếu NKG, với giá mục tiêu 1 năm là **23.000 đồng/cổ phiếu** (giảm từ 24.500 đồng/cổ phiếu) dựa trên ước tính lợi nhuận bình quân năm 2024-2025 với P/E và EV/EBITDA mục tiêu lần lượt là 14,5x và 7x (giảm lần lượt từ 16x và 8x trong bối cảnh môi trường lãi suất có thể tăng lên vào nửa cuối năm 2024). Trong ngắn hạn, tốc độ tăng trưởng lợi nhuận chậm lại có thể gây áp lực lên giá cổ phiếu trong quý tới.

## Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

## PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Bảng cân đối kế toán</b>				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1.005	785	535	-2.437
+ Đầu tư ngắn hạn	252	290	300	300
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	1.517	2.033	2.187	2.339
+ Hàng tồn kho	7.000	5.719	5.576	5.950
+ Tài sản ngắn hạn khác	641	602	644	689
<b>Tổng tài sản ngắn hạn</b>	<b>10.415</b>	<b>9.429</b>	<b>9.243</b>	<b>6.841</b>
+ Các khoản phải thu dài hạn	2	2	0	0
+ GTCL Tài sản cố định	2.588	2.359	2.824	6.104
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	220	204	204	204
+ Đầu tư dài hạn	8	3	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	227	239	228	244
<b>Tổng tài sản dài hạn</b>	<b>3.046</b>	<b>2.807</b>	<b>3.256</b>	<b>6.552</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>13.461</b>	<b>12.235</b>	<b>12.499</b>	<b>13.393</b>
+ Nợ ngắn hạn	8.109	6.784	6.669	7.116
<i>Trong đó: vay ngắn hạn</i>	<i>5.111</i>	<i>4.768</i>	<i>4.568</i>	<i>4.874</i>
+ Nợ dài hạn	32	28	0	0
<i>Trong đó: vay dài hạn</i>	<i>3</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8.141</b>	<b>6.812</b>	<b>6.669</b>	<b>7.116</b>
+ Vốn góp	2.633	2.633	2.633	2.633
+ Thặng dư vốn cổ phần	786	786	786	786
+ Lợi nhuận chưa phân phối	1.628	1.731	2.138	2.585
+ Quý khác	273	273	273	273
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>5.320</b>	<b>5.423</b>	<b>5.830</b>	<b>6.277</b>
<b>Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>	<b>13.461</b>	<b>12.235</b>	<b>12.499</b>	<b>13.393</b>
<b>Lưu chuyển tiền tệ</b>				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-828	278	847	722
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	33	-151	-897	-4.000
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	1.049	-347	-200	306
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>254</b>	<b>-220</b>	<b>-250</b>	<b>-2.972</b>
Tiền đầu kỳ	751	1.005	785	535
<b>Tiền cuối kỳ</b>	<b>1.005</b>	<b>785</b>	<b>535</b>	<b>-2.437</b>
<b>Các hệ số khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán hiện hành	1,28	1,39	1,39	0,96
Hệ số thanh toán nhanh	0,34	0,46	0,45	0,03
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,16	0,16	0,13	-0,3
Nợ ròng / EBITDA	6,73	4,78	3,45	3,5
Khả năng thanh toán lãi vay	0,59	1,61	3,33	3,16
Ngày phải thu	20,2	27,5	31,7	31,8
Ngày phải trả	62,8	43,6	32,1	31,8
Ngày tồn kho	129,2	132,8	108,3	103,6
<b>Cơ cấu vốn</b>				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,4	0,44	0,47	0,47
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,6	0,56	0,53	0,53
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	1,53	1,26	1,14	1,13
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,96	0,88	0,78	0,78
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,96	0,88	0,78	0,78

Nguồn: NKG, SSI ước tính

Tỷ đồng	2022	2023	2024F	2025F
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh</b>				
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>23.071</b>	<b>18.596</b>	<b>20.831</b>	<b>22.275</b>
Giá vốn hàng bán	-21.590	-17.484	-19.031	-20.308
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>1.481</b>	<b>1.112</b>	<b>1.800</b>	<b>1.967</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	303	230	278	244
Chi phí tài chính	-503	-426	-453	-461
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-1.202	-609	-1.000	-1.036
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-186	-130	-146	-156
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>-107</b>	<b>177</b>	<b>479</b>	<b>558</b>
Thu nhập khác	0	0	0	0
Lợi nhuận trước thuế	-107	177	479	558
<b>Lợi nhuận ròng</b>	<b>-125</b>	<b>117</b>	<b>407</b>	<b>447</b>
<b>Lợi nhuận chia cho cổ đông</b>	<b>-125</b>	<b>117</b>	<b>407</b>	<b>447</b>
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
EPS cơ bản (VND)	-474	446	1.546	1.696
Giá trị sổ sách (VND)	20.205	20.598	22.144	23.841
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	0	0	0	0
EBIT	156	470	684	817
EBITDA	533	846	1.119	1.536
<b>Tăng trưởng</b>				
Doanh thu	-18,1%	-19,4%	12,0%	6,9%
EBITDA	-83,3%	58,6%	32,3%	37,2%
EBIT	-94,5%	202,1%	45,6%	19,3%
Lợi nhuận ròng	-105,6%	-194,2%	246,7%	9,7%
Vốn chủ sở hữu	-7,1%	1,9%	7,5%	7,7%
Vốn điều lệ	20,5%	0,0%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	-12,6%	-9,1%	2,2%	7,2%
<b>Định giá</b>				
P/E	-25,9	55,3	14,7	13,4
P/B	0,6	1,2	1	1
Giá/Doanh thu	0,1	0,3	0,3	0,3
Tỷ suất cổ tức	0,0%	0,0%	0,0%	0,0%
EV/EBITDA	13,3	12	8,6	6,3
EV/Doanh thu	0,3	0,5	0,5	0,4
<b>Các hệ số khả năng sinh lời</b>				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	6,4%	6,0%	8,6%	8,8%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	0,5%	1,3%	3,1%	3,6%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	-0,5%	0,6%	2,0%	2,0%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	5,2%	3,3%	4,8%	4,7%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	0,8%	0,7%	0,7%	0,7%
ROE	-2,3%	2,2%	7,2%	7,4%
ROA	-0,9%	0,9%	3,3%	3,5%
ROIC	1,8%	3,0%	5,7%	6,1%



## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Hoàng Việt Phương

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư  
phuonghv@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8729

#### Ví mô

##### Phạm Lưu Hưng

Kinh tế trưởng  
hungpl@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

##### Thái Thị Việt Trinh

Chuyên viên phân tích Ví mô  
trinhtt@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8720

### Phân tích Định lượng

#### Lê Huyền Trang

Chuyên viên cao cấp Phân tích dữ liệu  
tranglh1@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8710

#### Nguyễn Bùi Minh Châu

Chuyên viên Phân tích dữ liệu  
chaunbm@ssi.com.vn

### Phân tích Ngành Thép

#### Đào Minh Châu, CFA

Phó Giám đốc Phân tích Cổ phiếu  
chaudm@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3052

#### Dữ liệu

##### Lương Thị Việt

Chuyên viên cao cấp hỗ trợ  
vietlt@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8714

#### Nguyễn Thị Kim Tân

Chuyên viên hỗ trợ  
tanntk@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8715

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ  
thunta2@ssi.com.vn

### Chiến lược thị trường

#### Nguyễn Lý Thu Nga

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư  
nganlt@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3051

#### Nguyễn Quốc Bảo

Chuyên viên cao cấp Chiến lược đầu tư  
baonq1@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3059

#### Hồ Hữu Tuấn Hiếu, CFA

Chuyên gia Chiến lược đầu tư  
hieuhht1@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8704

#### Trần Thị Bảo Châu

Chuyên viên Chiến lược đầu tư  
chauttb@ssi.com.vn  
SĐT: (+84 – 28) 3636 3688 ext. 3043

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8706

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702